

Số: 31

Ngày 14/8/2023

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin số này có một số nội dung đáng chú ý sau:

- Nghị quyết 114/NQ-CP về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), giảm thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm; giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ 80 tuổi xuống 75 tuổi.
- Quyết định 933/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính hằng tháng, gửi Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023 của Bộ Nội vụ quy định tăng thêm 12,5% mức trợ cấp hằng tháng trên mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6 năm 2023 đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP.
- Bản tin tuần này còn giới thiệu dự thảo chính sách mới: Nghị định quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; thực hiện các giải đáp xung quanh Thông tư số 11/2023/TT-BTN về các nội dung: Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng từ ngày 01/7/2023; Thời gian bắt đầu áp dụng điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc...

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỢP TÁC XÃ

Ngày 20/6/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15. Luật quy định cụ thể về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Đối tượng áp dụng là: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (viết tắt là HTX).

HTX hoạt động theo nguyên tắc: Tự nguyện tham gia và mở rộng kết nạp thành viên. Cá nhân, tổ chức tự nguyện thành lập, gia nhập, ra khỏi HTX. HTX coi trọng lợi ích của thành viên, mở rộng kết nạp thành viên; không phân biệt giới tính, địa vị xã hội, dân tộc hoặc tôn giáo đối với mọi cá nhân tham gia. Dân chủ, bình đẳng trong tổ chức, quản lý. Thành viên tổ hợp tác có quyền dân chủ trong việc quyết định tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. Thành viên chính thức của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia vào công việc tổ chức, quản lý và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã một cách dân chủ, bình đẳng, không phụ thuộc vào phần vốn góp...

Nghiêm cấm cơ quan nhà nước; từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký HTX trong trường hợp đủ điều kiện; Lợi dụng quyền hạn để làm trái với các quy định của pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi cho HTX; Cản trở việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ hợp pháp của HTX, thành viên HTX theo quy định của Luật này; Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin sai lệch, không trung thực liên quan đến hỗ trợ, ưu đãi cho HTX... Nghiêm cấm HTX Thực hiện không đúng các nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định của Luật này; Cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực, làm giả giấy tờ để trục lợi; Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết...

HTX có quyền: Tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra; quyết định việc tổ chức, quản lý và hoạt động; thuê và sử dụng lao động; được kinh doanh, sản xuất trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; yêu cầu thành viên đăng ký nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ cho thành viên; cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra bên ngoài sau khi hoàn thành nghĩa vụ và bảo đảm lợi ích của thành viên theo quy định của Điều lệ hoặc pháp luật có liên quan; cung cấp dịch vụ, tổ chức hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa vì mục tiêu chăm lo đời sống của thành viên, cộng đồng và phát triển bền vững; tăng, giảm vốn điều lệ trong quá trình hoạt động; huy động vốn theo quy định của pháp luật...

HTX có nghĩa vụ: Kết nạp thành viên khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật này, Điều lệ và pháp luật có liên quan; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định của Luật này và Điều lệ; thực hiện thỏa thuận giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với thành viên, đáp ứng tối đa nhu cầu của thành viên đã đăng ký trước khi phục vụ khách hàng không phải là thành viên; thực hiện quy định của pháp luật về tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, thống kê và pháp luật có

liên quan; quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ; ký kết và thực hiện hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật; thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

2. CHÍNH PHỦ THỐNG NHẤT GIẢM THỜI GIAN ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI TỪ 20 NĂM XUỐNG 15 NĂM

Ngày 28/7/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết 114/NQ-CP phiên họp Chính phủ tháng 7 năm 2023 về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Theo đó, Chính phủ thống nhất giảm thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm; giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ 80 tuổi xuống 75 tuổi.

Chính phủ thống nhất vấn đề rút bảo hiểm xã hội một lần khá phức tạp, có ảnh hưởng lớn tới đời sống kinh tế, xã hội nên có thể đưa ra 02 phương án để xin ý kiến Quốc hội, trong đó cần thể hiện quan điểm, căn cứ để lựa chọn phương án cụ thể và nghiên cứu quy định các biện pháp thiết thực hỗ trợ, khuyến khích người lao động tự nguyện bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu thay vì nhận bảo hiểm xã hội một lần. Về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội cần tổng

hợp hai phương án để xin ý kiến Quốc hội, trong đó thể hiện rõ về phương án được lựa chọn, xác định tổng mức chi phí quản lý Bảo hiểm xã hội cụ thể của mỗi phương án trên cơ sở đánh giá đầy đủ cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và thông lệ quốc tế.

Ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ để bổ sung thêm chính sách, tăng thêm quyền lợi, tăng tính hấp dẫn, thu hút người dân tham gia bảo hiểm xã hội nhằm bảo đảm an sinh xã hội lâu dài cho người dân, thể hiện chủ trương không hy sinh tiến bộ và công bằng xã hội chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần, hướng tới đạt mục tiêu của Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 28/7/2023.

3. THÀNH LẬP TỔ CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 06/3/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 932/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang làm Tổ trưởng; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm Tổ phó thường trực; Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Bộ Công an làm Tổ phó; các thành viên là lãnh đạo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...

Tổ công tác là tổ chức phối hợp liên ngành, thực hiện chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao năng lực phản ứng chính sách.

Tổ công tác có các nhiệm vụ và quyền hạn sau: Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về cải cách thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương; tổ chức các đoàn làm việc, đôn đốc thúc đẩy triển khai việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và phản ứng chính sách của các bộ, ngành, địa phương; yêu cầu các bộ, ngành, địa phương báo cáo, cung cấp thông tin, phối hợp thực hiện và giải quyết

dứt điểm những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền của các bộ, ngành, địa phương...

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06/3/2023.

4. KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Ngày 06/8/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 933/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023.

Theo đó, các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương rà soát, bảo đảm tính tổng thể, kế thừa và liên thông kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, để tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa 126 thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc trách nhiệm của 16 bộ, cơ quan ngang bộ, 402 quy định kinh doanh, nhóm quy định kinh doanh thuộc trách nhiệm của 09 bộ, cơ quan ngang bộ và 111 thủ tục hành chính cần phân cấp thẩm quyền giải quyết thuộc trách nhiệm của 17 bộ, cơ quan ngang bộ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện tốt việc đánh giá tác động, thẩm định thủ tục hành chính tại đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm các thủ tục hành chính được quy định

đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý và với chi phí tuân thủ thấp nhất. Công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính để đội ngũ cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện. Định kỳ hàng tháng tổng kê đầy đủ những thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực hiện thủ tục hành chính.

Các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức rà soát, làm sạch toàn bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thời hạn hoàn thành trong tháng 9 năm 2023.

Danh mục thủ tục hành chính cần thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa bao gồm: Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương; cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi; xét tặng Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ; cấp mới Giấy phép lái xe; Cấp lại Giấy phép lái xe; Đổi Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp; Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp; Đổi giấy phép lái xe quân sự do ngành Công an cấp; cấp Giấy phép lái xe quốc tế; Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế; cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng; Đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về giao thông đường bộ cho người điều

khiển xe máy chuyên dùng; đổi chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông; Cấp lại chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông...

Danh mục quy định kinh doanh cần thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa bao gồm: Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp Trung ương); cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)...

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này để triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng và tiến độ. Bảo đảm nguồn lực cho công tác cải cách thủ tục hành chính, chú trọng trong việc lựa chọn cán bộ, công chức giỏi, đáp ứng yêu cầu công tác ở các cơ quan chuyên môn về làm việc biệt phái hoặc trung tập tại các đơn vị kiểm soát thủ tục hành chính để thực hiện Kế hoạch này và các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong dự toán ngân sách năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao; khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện. Hằng tháng, xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này, cùng với tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính, gửi Văn phòng Chính phủ để tổng

hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 06/8/2023.

5. ĐẢM BẢO VỮNG CHẮC AN NINH LƯƠNG THỰC QUỐC GIA

Ngày 05/8/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 24/CT-TTg về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo mục tiêu sản xuất trên 43 triệu tấn lúa/năm trong các năm tiếp theo. Khẩn trương triển khai xây dựng, thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng

bằng sông Cửu Long đến năm 2030”.

Bộ Công Thương khẩn trương trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 107/2018/NĐ-CP, trong đó cần quy định chặt chẽ, cụ thể, khả thi về điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, chất lượng lúa, gạo hàng hóa xuất khẩu, các thương nhân phải liên kết với người trồng lúa trong việc xây dựng vùng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ lúa, gạo...

Các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện nghiêm việc duy trì mức dự trữ lưu thông tối thiểu, chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của các Bộ, ngành liên quan và theo quy định của Chính phủ. Tìm hiểu kỹ các đối tác trước khi ký hợp đồng, đặc biệt thận trọng trong giao, nhận và thanh toán các lô hàng để tránh bị lừa đảo...

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/8/2023.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. HƯỚNG DẪN VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC NGHIỆP VỤ NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày 31/7/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 05/2023/TT-BTNMT hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường. Thông tư này hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường từ trung ương đến địa phương.

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc

ngành tài nguyên và môi trường từ trung ương đến địa phương, gồm: Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về

ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

33 vị trí việc làm thuộc Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường gồm: Chuyên viên cao cấp về địa chất; chuyên viên cao cấp về khoáng sản; chuyên viên chính về đo đạc và bản đồ; chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học...

Mục tiêu đối với vị trí việc làm là vị trí Chuyên viên cao cấp các lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường như sau: Chủ trì tham mưu tổng hợp, thẩm định, hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chủ trì xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, dự án, đề án về lĩnh vực chuyên ngành của vị trí việc làm; chủ trì, tổ chức triển khai thực thi các nhiệm vụ chuyên môn theo mảng công việc được phân công.

Chuyên viên cao cấp các lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường có các quyền hạn sau: Được chủ động về phương pháp thực hiện công việc được giao; tham gia ý kiến về các việc chuyên môn của đơn vị; được cung cấp các thông tin chỉ đạo điều hành của tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định; được yêu cầu cung cấp thông tin và đánh giá mức độ xác thực của thông tin phục vụ cho nhiệm vụ được giao; được tham gia các cuộc họp trong và

ngoài cơ quan theo sự phân công của Thủ trưởng.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 18/9/2023.

7. TĂNG CƯỜNG MỨC TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ XÃ GIÀ NGHỈ VIỆC LÊN 12,5% TỪ 01/7/2023

Ngày 01/8/2023, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 11/2023/TT-BNV hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

Từ 01/7/2023, tăng thêm 12,5% mức trợ cấp hàng tháng trên mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6 năm 2023 đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 42/2023/NĐ-CP, cụ thể:

Mức trợ cấp hàng tháng được hưởng từ 01/7/2023 tính theo công thức sau: Mức trợ cấp hàng tháng được hưởng từ ngày 01/7/2023 = Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6/2023 x 1,125.

Sau khi điều chỉnh mà mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc được hưởng thấp hơn 3.000.000 đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau: Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng trợ cấp hàng tháng dưới 2.700.000 đồng/người/tháng; tăng lên bằng 3.000.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng trợ cấp hàng tháng từ 2.700.000 đồng/người/tháng đến dưới 3.000.000 đồng/người/tháng.

Căn cứ từ quy định trên, mức hưởng trợ cấp hàng tháng từ 01/7/2023 (đã làm tròn số) đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc như sau: Đối với cán bộ nguyên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã 3.000.000 đồng/tháng; đối với các chức danh còn lại: 2.817.000 đồng/tháng.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2023.

8. BÃI BỎ 10 THÔNG TƯ VỀ TUYỂN DỤNG, NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỪ 01/10/2023

Ngày 08/8/2023, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư 12/2023/TT-BNV bãi bỏ một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Cụ thể, bãi bỏ toàn bộ 10 Thông tư sau đây: Thông tư 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định 24/2010/NĐ-CP quy định về tuyển

dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2010/TT-BNV quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định 24/2010/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 06/2013/TT-BNV ngày 17/7/2013 bãi bỏ Điều 19 Thông tư 13/2010/TT-BNV quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định 24/2010/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư 03/2015/TT-BNV ngày 10/3/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư 13/2010/TT-BNV quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định 24/2010/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/10/2023.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

ĐỀ XUẤT MỨC PHÍ CỐ ĐỊNH ĐỐI VỚI CƠ SỞ XẢ KHÍ THẢI LÀ 3 TRIỆU ĐỒNG/NĂM

Nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các

tổ chức, cá nhân xả thải gây ô nhiễm môi trường không khí và của toàn xã hội. Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường theo Nghị định này là bụi, khí thải xả ra môi trường của các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và được cấp giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần (sau đây gọi chung là cơ sở xả khí thải).

Theo dự thảo, mức phí cố định đối với các cơ sở xả khí thải là 3 triệu đồng/năm. Trường hợp người nộp phí nộp theo quý thì số phí phải nộp là 750.000đ/quý. Đối với người nộp theo tháng thì mức phí phải nộp là 250.000đ/tháng. Mức phí đối với các chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải được quy định như sau: bụi tổng là 800đ/tấn; NO_x (gồm NO₂ và NO) là 800đ/tấn; SO_x là 700đ/tấn và CO là 500đ/tấn.

Đối với cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ có nồng độ

các chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải của cơ sở thấp hơn 30% so với nồng độ được quy định thì nộp mức phí là 75% số phí phải nộp theo công thức quy định. Nồng độ các chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải của cơ sở xả khí thải thấp hơn 50% so với nồng độ quy định thì mức phí là 50% số phí phải nộp theo công thức quy định. Đối với cơ sở xả khí thải hoạt động công ích thuộc loại hình tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế, chất thải nguy hại nộp mức phí tương ứng là 50% số phí phải nộp theo công thức quy định.

Hiện toàn văn dự thảo đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ cũng như Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của người dân và doanh nghiệp góp ý hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ xem xét và ban hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Công thức tính mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 2 Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023 của Bộ Nội vụ quy định công thức tính mức trợ cấp hằng tháng của cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc được hưởng từ 01/7/2023 như sau:

Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng từ ngày 01/7/2023 = Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6/2023 x 1,125

Trong đó: Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 6/2023 là mức trợ cấp quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-BNV ngày 29/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng từ 01/01/2022 đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc

theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Hỏi: Cán bộ xã, phường, thị trấn nghỉ hưu đang hưởng mức trợ cấp dưới 2,7 triệu đồng/người/tháng thì được điều chỉnh mức trợ cấp là bao nhiêu?

Trả lời: Theo điểm a Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023 của Bộ Nội vụ quy định tăng thêm 300.000đ/người/tháng đối với đối tượng nêu trên.

3. Hỏi: Cán bộ xã, phường, thị trấn nghỉ hưu đang hưởng mức trợ cấp trên 2,7 triệu đồng/người/tháng đến dưới 3 triệu đồng/người/tháng thì được điều chỉnh mức trợ cấp là bao nhiêu?

Trả lời: Theo điểm b Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023 của Bộ Nội vụ quy định tăng lên bằng 3 triệu đồng/người/tháng đối với đối tượng nêu trên.

4. Hỏi: Thời gian bắt đầu áp dụng điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc?

Trả lời: Theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01/8/2023 của Bộ Nội vụ thì chế độ quy định được thực hiện kể từ ngày 01/7/2023./.